

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 22-9-2023.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Phúc**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoàng Sơn**

2. Ông **Lê Minh Huy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Mỹ Dung** - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa:
Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2023/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tường V**, sinh năm: 1997; Địa chỉ: **Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh L.**

Bị đơn: Anh **Trần Văn Q**, sinh năm: 1991; Địa chỉ: **Số A đường D thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh L.**

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 24 tháng 7 năm 2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, biên bản hòa giải ngày 11/9/2023 nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Tường V** trình bày: Chị và anh **Trần Văn Q** tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và chung sống thực tế với nhau từ tháng 6 năm 2014. Đến năm 2015 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân **xã Q** ngày 21/12/2015. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị và anh **Q** chung sống tại nhà chồng tại **số nhà A đường D, xã Q, huyện Đ**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, có lúc mâu thuẫn dẫn đến xô xát đánh đập.

Nhiều lần cãi vã anh Q không làm chủ được bản thân đã đánh đập chị. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q không muốn cho chị đi làm công ty mà muốn chị ở nhà chăm lo cho gia đình và con cái. Trong thời gian này chị có bỏ về nhà bố mẹ để được mấy ngày thì anh Q đến năn nỉ chị về thì chị quay về chung sống với anh Q. Sau khi chị quay về thì vợ chồng chung sống bình thường được khoảng nửa năm, sau đó anh Q tiếp tục không muốn cho chị đi làm công ty mà muốn chị nghỉ ở nhà phụ chăm sóc con cái nhưng do chị có mua một số vật dụng trả góp chưa có tiền trả nên phải đi làm để trả nợ, do đó chị vẫn đi làm và vợ chồng lại xảy ra cãi nhau, xô xát và đánh nhau vào cuối năm 2020. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ lần thứ hai khoảng mấy ngày thì anh Q lại đến năn nỉ chị quay về, chị lại nghỉ lại và quay về chung sống với anh Q. Tuy nhiên từ khi chị trở về chung sống thì những mâu thuẫn giữa chị và anh Q vẫn không giải quyết được, vợ chồng luôn có vấn đề mâu thuẫn về tiền bạc. Khi trong gia đình có công việc, có đám hỏi, đám cưới, tiền mua thức ăn nhưng không có tiền, chị nói anh Q đưa tiền cho chị để lo việc gia đình thì anh Q không đưa, còn khó chịu với chị. Lúc đó chị phải vay mượn để lo việc gia đình, khi có lương thì trả nợ. Khi chị hỏi tiền anh Q thì anh Q nói với chị là đi làm mà không có tiền thì đi làm làm gì và muốn chị nghỉ việc. Chị thấy anh Q không chịu sửa đổi và mâu thuẫn của vợ chồng không được giải quyết mà cuộc sống cứ thế tiếp diễn khiến chị rất mệt mỏi và chán nản. Vợ chồng trở nên lạnh nhạt với nhau, không ai muốn nói chuyện với ai, vợ chồng ngủ riêng từ cuối năm 2020. Đỉnh điểm mâu thuẫn là đến khoảng tháng 2 năm 2023 chị hỏi chồng đưa tiền để đi chợ mua thức ăn trong gia đình thì anh Q nói là không có tiền nhưng khi bạn bè của anh Q tới chơi thì anh Q mua đồ nhậu và có tiền đánh bài, trong khi không đưa tiền cho chị đi chợ mua thức ăn cho con cái và gia đình nên chị cảm thấy hết sức chịu đựng. Vào tháng 2 năm 2023 chị dẫn 02 con về nhà ngoại sinh sống, khi đó chị có nhắn tin cho anh Q nói: “Bây giờ hai vợ chồng cho nhau thời gian để suy nghĩ lại quan hệ vợ chồng, giờ em ở nhà mẹ và lo cho con, nếu sau này hai vợ chồng có thể suy nghĩ và vì nhau được thì quay lại”, thì anh Q nhắn tin lại cho chị là: “Nhà này không phải là cái chùa, thích đi thì đi, thích về thì về”. Từ đó trở đi anh Q không quan tâm, không không làm lành, năn nỉ hay hòa giải để chị quay trở về chung sống, hai vợ chồng không quan tâm nhau, anh Q chỉ đến đón con về nhà chơi rồi chở con về để chị đưa con đi học mà không vào nhà nói chuyện. Chỉ đến khi chị làm đơn yêu cầu ly hôn thì anh Q mới nhắn tin cho chị và mong muốn chị quay về nhưng anh Q không đến gặp trực tiếp chị. Chị xác định vợ chồng sống ly thân từ tháng 2 năm 2023 đến nay, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Q.

Bị đơn anh **Trần Văn Q** tại bản tự khai ngày 23/8/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, biên bản hòa giải ngày 11/9/2023 trình bày: Anh xác

nhận lời trình bày của chị V về thời điểm kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng là đúng. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng cũng có những lần mâu thuẫn cãi nhau. Nguyên nhân là do anh muốn chị V ở nhà chăm lo cho con cái để anh có thời gian đi làm nhưng chị V không chịu. Trong quá trình chung sống thì chị V có dẫn con về nhà bố mẹ đẻ khoảng 3 đến 4 lần, lần gần nhất là từ tháng 2 năm 2023 chị V dẫn con về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Những lần trước anh gọi thì chị V quay về nhưng lần này anh cũng gọi mà chị V không về. Nay anh vẫn còn tình cảm với vợ và mong muốn con cái có một gia đình trọn vẹn nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Tường V và anh Trần Văn Q thống nhất có 02 con chung tên Trần Thị Bảo N, sinh ngày 11/01/2015, Trần Quỳnh Bảo N1, sinh ngày: 02/4/2017. Hiện 02 cháu Bảo N1 và Bảo N đang do chị V và anh Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Tường V và anh Trần Văn Q thống nhất giao cháu Trần Thị Bảo N cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và giao Trần Quỳnh Bảo N1 cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Chị Nguyễn Thị Tường V và anh Trần Văn Q thống nhất xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành, các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, anh Q cho rằng vẫn còn thương yêu vợ nên không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không đưa ra phương án níu kéo vợ quay về chung sống.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các bên vẫn giữ nguyên thỏa thuận theo nội dung tại buổi hòa giải ngày 11/9/2023.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Tường V và anh Trần Văn Q được ly hôn; về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị V và anh Q: Giao cháu Trần Thị Bảo N cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và giao Trần Quỳnh Bảo N1 cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng

giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến. Về án phí: Chị **V** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Tường V** và anh **Trần Văn Q**. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại **xã Q, huyện Đ** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị **V** và anh **Q** đã được **UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng** cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 21/12/2015, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị **V** và anh **Q** là hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo chị **V** thì vợ chồng sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc trong gia đình. Phía anh **Q** muốn chị ở nhà chăm lo cho con cái nhưng lại ít đưa tiền cho chị để chăm lo cho gia đình, chị đi làm để có tiền trang trải cuộc sống thì anh **Q** gây sự và dẫn đến xô xát cãi nhau. Khi xô xát cãi nhau anh **Q** không làm chủ được bản thân thì có đánh chị. Trong gia đình khi có công việc cần đến tiền chị nói anh **Q** đưa tiền thì anh **Q** tỏ vẻ khó chịu với vợ và có lúc không đưa. Khi trong gia đình không có tiền mua thức ăn chị hỏi anh **Q** thì anh **Q** không đưa nhưng khi bạn bè tới chơi thì anh **Q** lại thoải mái chi tiền cho bạn bè. Trong quá trình chung sống chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ nhiều lần, anh **Q** có đến năn nỉ chị quay về, vì nghĩ đến con cái nên chị đã quay về chung sống cùng anh **Q** nhưng khi quay về chung sống thì anh **Q** vẫn không sửa đổi, mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết, do vậy lần này chị đã dẫn con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 2 năm 2023 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh **Q** có đến nhà nói chị quay về một lần vào tháng 4 năm 2023, sau đó không ai quan tâm đến ai. Chỉ đến khi chị làm đơn yêu cầu ly hôn vào cuối tháng 7 thì anh **Q** mới nhắn tin cho chị và nói chị quay về chung sống.

P phía anh **Q** cũng thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 – 2019. Nguyên nhân là do anh muốn chị **V** ở nhà chăm lo cho con cái nhưng chị **V**

không chịu nên có xảy ra cãi nhau, xô xát. Anh Q cũng cho rằng quá trình chung sống chị V bỏ về nhà bố mẹ nhiều lần, những lần trước sau khi anh nói chị V về thì chị V đồng ý quay về nhưng lần này anh nói chị V không đồng ý về nữa. Anh Q thừa nhận khi chị V hỏi anh tiền đi chợ thì anh không đưa và đến khi bạn bè tới chơi thì anh có đi mua đồ nhậu đãi bạn, tuy nhiên theo anh thời gian chị V hỏi anh đưa tiền và thời gian bạn bè của anh tới nhà chơi là hai khoảng thời gian cách xa nhau. Khi chị V hỏi tiền thì anh không có nên không đưa, khi bạn bè tới thì anh có tiền nên anh mua đồ nhậu. Những lần khác khi anh có tiền chị V hỏi thì anh vẫn đưa. Theo anh Q khi nào chị V hỏi anh đưa tiền để lo cho gia đình thì anh mới đưa tiền cho chị V và trong những lần chị V hỏi thì có lúc anh đưa, có lúc không đưa. Còn khi chị V không hỏi thì anh không đưa.

Anh cũng xác nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 2 năm 2023 đến nay. Mặc dù anh đã nói chị V quay về chung sống nhưng chị V không về.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh Q là có thật. Phía anh Q cũng thừa nhận là khi vợ hỏi tiền anh không có tiền không đưa nhưng đến khi anh có tiền trở lại vợ không hỏi anh cũng không đưa cho vợ để có tiền mua thức ăn, chăm lo cho gia đình. Phía chị V cho rằng tiền bạc trong gia đình anh Q không chịu đưa tiền cho vợ mà khi nào chị cũng phải là người hỏi anh Q đưa, khi chị hỏi anh Q thì anh Q khó chịu với chị và có lúc đưa, có lúc không đưa khiến chị rất mệt mỏi và chán nản. Tình cảm ngày càng phai nhạt. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2023 đến nay.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh Q là mâu thuẫn âm ỉ, kéo dài và hiện nay đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khó hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Phía anh Q cho rằng vẫn còn tình cảm với vợ và không đồng ý ly hôn nhưng anh Q không đưa ra được phương án níu kéo chị V quay về đoàn tụ, mặt khác chị V vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh Q nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V, cho chị V và anh Q được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị V và anh Q đều xác nhận có 02 người con chung là cháu: Trần Thị Bảo N, sinh ngày: 11/01/2015, Trần Quỳnh Bảo N1, sinh ngày 02/4/2017. Tại buổi hòa giải ngày 11/9/2023 và tại phiên tòa chị V và anh Q thống nhất thỏa thuận giao cháu Trần Thị Bảo N cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Trần Quỳnh Bảo N1 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Trần Thị Bảo N có nguyện vọng được sống với chị V. Hiện nay các cháu đang được chị V và anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q và chị V đều không thuộc trường hợp không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thỏa thuận nuôi con của chị V và anh Q là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với tình hình thực tế của các bên, cũng đồng thời phù

hợp với nguyện vọng của cháu **N**. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận của chị **V** và anh **Q**, giao cháu **Trần Thị Bảo N** cho chị **V** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và giao cháu **Trần Quỳnh Bảo N1** cho anh **Q** tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung như trên là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên thống nhất xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí:

Chị **V** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy của pháp luật.

Anh **Q** không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 220, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Tường V** đối với bị đơn anh **Trần Văn Q**.

Cho chị **Nguyễn Thị Tường V** và anh **Trần Văn Q** được ly hôn.

Quan hệ hôn nhân Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 21/12/2015 của Ủy ban nhân dân xã **Q**, huyện **Đ**, tỉnh **Lâm Đồng** chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu **Trần Thị Bảo N**, sinh ngày 11/01/2015 cho chị **Nguyễn Thị T** Vy trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu **Trần Quỳnh Bảo N1**, sinh ngày 02/4/2017 cho anh **Trần Văn Q** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Buộc chị **Nguyễn Thị Tường V** phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị **V** đã nộp theo biên lai thu số 0013702 ngày 27/7/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Chị **V** đã nộp đủ án phí. Anh **Trần Văn Q** không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phúc